



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-CT.UB ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc chuyển Công ty Mía đường Cần Thơ thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800283278, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 và đăng ký thanh đổi lần thứ 19 ngày 04 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ	Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- Điện thoại	02933 867 359
- Fax	02933 867 359
- Tên viết tắt:	CASUCO
- Mã số thuế:	1800283278

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường.
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường.
- Dịch vụ cho thuê tài sản.
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Vĩnh Chung	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Mai Loan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Chinh	Thành viên
Bà Phạm Thị Hồng Liễu	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Chức vụ

Ông Trần Vĩnh Chung

Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quang Vinh

Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm hiện tại là:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Trần Ngọc Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



TRẦN VINH CHUNG

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 044/2022/BCKTHN-CT.00564

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 12 năm 2022, từ trang 07 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.8 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tập đoàn chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do hàng hết hạn sử dụng và kém phẩm chất, dẫn đến khoản mục "Hàng tồn kho" (Mã số 140) trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh theo giá gốc là 99.535.042.461 VND thay vì phải phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm đi là 6.401.622.806 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" sẽ tăng là 6.401.622.806 VND, và "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm đi tương ứng là 6.401.622.806 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Bên cạnh đó, tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tập đoàn cũng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 12.134.432.213 VND. Nếu công ty ghi nhận đầy đủ chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi vào sổ sách kế toán thì lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay (mã số 50) giảm xuống một khoảng với số tiền là 12.134.432.213 VND, khoản lỗ lũy kế chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 (mã số 421) sẽ tăng lên 12.134.432.213 VND và chỉ tiêu Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 (mã số 137) tăng lên một khoản 12.134.432.213 VND.

Như đã nêu tại mục 5.8 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tập đoàn có khoản tài sản thiếu chờ xử lý với giá trị là 4.417.433.662 VND. Đây là giá trị của khoản hàng tồn kho thiếu, được phát hiện thông qua kiểm kê ngày 30/06/2020. Đến ngày phát hành báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chưa đưa ra quyết định xử lý khoản mục này. Chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng khác do đó Chúng tôi cũng không thể đưa ra được ý kiến về tính đánh giá của khoản mục này và các ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư các khoản nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Khoản mục	Thuyết minh	Số tiền VND
Phải thu ngắn hạn khác (mã số 136)	5.5.1	4.301.000.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn (mã số 311)	5.13	710.481.598
Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319)	5.17.1	16.944.898.500

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.10 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Quyền sử dụng đất là tài sản cố định vô hình chưa chuyển nhượng sang tên cho Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ với số tiền là 13.988.133.240 VND.

Như đã nêu tại mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó Tập đoàn đã dừng hoạt động của Nhà máy đường Vị Thanh từ ngày 29 tháng 06 năm 2019 do thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất. Việc đưa Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại phụ thuộc vào việc phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy. Đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, Tập đoàn vẫn chưa thể đưa Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Như đã nêu tại mục 8.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn hồi tố lại số dư đầu kỳ do sai sót các năm trước.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp Kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến từ chối đối với báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 14 tháng 12 năm 2021 do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHANH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 22 tháng 12 năm 2022

A blue handwritten signature of Nguyễn Thị Ngọc Bích.

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/07/2021
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.555.047.816	140.817.901.665
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.398.932.184	61.806.452.614
Tiền	111		16.398.932.184	10.806.452.614
Các khoản tương đương tiền	112		-	51.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.272.953.209	35.865.474.622
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.428.065.993	3.246.983.185
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	26.681.231.666	20.435.979.406
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	43.471.331.636	43.490.188.117
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(35.725.109.748)	(35.725.109.748)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	4.417.433.662	4.417.433.662
Hàng tồn kho	140	5.8	99.535.042.461	40.981.682.755
Hàng tồn kho	141		99.535.042.461	40.981.682.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.348.119.962	2.164.291.674
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	3.348.119.962	2.164.291.674
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/07/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.813.102.941	180.443.906.714
Các khoản phải thu dài hạn	210		170.400.000	170.400.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	170.400.000	170.400.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		105.719.155.105	122.732.706.852
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	76.944.691.716	92.550.738.433
Nguyên giá	222		906.387.261.040	906.387.261.040
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(829.442.569.324)	(813.836.522.607)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	28.774.463.389	30.181.968.419
Nguyên giá	228		74.405.289.367	74.405.289.367
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.630.825.978)	(44.223.320.948)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.573.934.770	6.504.812.207
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	6.573.934.770	6.504.812.207
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	59.511.609.799	49.954.582.496
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		59.309.609.799	49.752.582.496
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		202.000.000	202.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		838.003.267	1.081.405.159
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	798.097.178	1.041.499.070
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		39.906.089	39.906.089
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		333.368.150.757	321.261.808.379

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/07/2021
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		90.294.276.752	83.930.873.216
Nợ ngắn hạn	310		89.994.276.752	83.630.873.216
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.636.415.249	1.664.593.766
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	21.757.198.295	18.950.746.416
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	31.883.637.879	30.695.139.637
Phải trả người lao động	314		2.264.384.075	136.312.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	989.510.001	1.075.993.448
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	30.787.386.120	30.001.542.816
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	675.745.133	1.106.545.133
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	300.000.000	300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

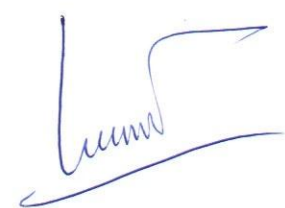
Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/07/2021
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.073.874.005	237.330.935.163
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	243.073.874.005	237.330.935.163
Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.805.470.000	130.805.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.441.670.000	130.441.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		363.800.000	363.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(10.209.100.000)	(10.200.500.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		135.711.274.992	135.711.274.992
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.901.722.698)	(17.689.796.628)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.689.796.628)	(17.845.567.129)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.788.073.930	155.770.501
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(1.332.048.289)	(1.295.513.201)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		333.368.150.757	321.261.808.379



NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu



LÊ THỊ KIM PHI
Kế toán trưởng



TRẦN VINH CHUNG
Tổng Giám đốc
Hậu Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

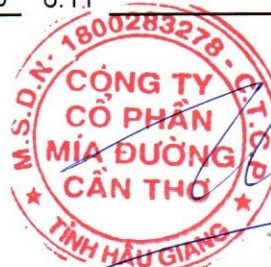
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	86.103.123.395	173.051.946.700
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	975.418.667
Doanh thu thuần	10		86.103.123.395	172.076.528.033
Giá vốn hàng bán	11	6.3	78.722.081.776	166.352.094.961
Lợi nhuận gộp	20		7.381.041.619	5.724.433.072
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	811.971.463	1.327.248.773
Chi phí tài chính	22	6.5	722.947.880	370.112.805
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		9.557.027.303	574.564.132
Chi phí bán hàng	25	6.6	187.818.390	334.435.305
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	8.096.140.772	10.071.218.693
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.743.133.343	(3.149.520.826)
Thu nhập khác	31	6.8	194.053.888	8.217.267.713
Chi phí khác	32	6.9	3.185.648.389	3.495.853.829
Lợi nhuận khác	40		(2.991.594.501)	4.721.413.884
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.751.538.842	1.571.893.058
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	-	1.459.797.842
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(5.885.818)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.751.538.842	117.981.034
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.788.073.930	155.770.501
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(36.535.088)	(37.789.467)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	454	9

NGUYỄN THỊ HỒNG GÁM
Người lập biểu

LÊ THỊ KIM PHÍ
Kê toán trưởng



TRẦN VĂN CHUNG
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.751.538.842	1.571.893.058
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		17.013.551.747	17.516.979.854
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.368.998.766)	(8.936.923.005)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.396.091.823	10.156.117.030
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.591.306.875)	2.648.863.878
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(58.553.359.706)	48.484.313.834
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.984.277.824	(13.672.545.292)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		243.401.892	(265.061.122)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.183.828.288)	(46.622.280)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000	(44.602.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(480.800.000)	(1.176.158.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46.135.523.330)	47.754.305.406
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(69.122.563)	(580.819.793)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	7.751.505.292
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	1.670.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		811.971.463	1.327.248.773
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		742.848.900	8.493.767.149

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		178.058.611	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(8.600.000)	(33.500.000)
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(184.304.611)	(6.215.296.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.846.000)	(6.248.796.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(45.407.520.430)	49.999.276.205
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		61.806.452.614	11.807.176.409
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	16.398.932.184	61.806.452.614




NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu

LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng



TRẦN VINH CHUNG

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất thực phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường.
- Dịch vụ cho thuê tài sản.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo riêng

Thực hiện Nghị quyết cuộc họp Hội Đồng Quản Trị số 32/NQ-HĐQT-MĐ ngày 18/06/2019, Công ty đã tạm dừng hoạt động Nhà máy đường Vị Thanh do thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất. Nguồn nguyên liệu trong vùng và các tỉnh lân cận không đáp ứng đủ cho Nhà máy đường Phụng Hiệp và Nhà máy đường Vị Thanh cùng hoạt động sản xuất Công ty có kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu tại Thành phố Vị Thanh và tỉnh Kiên Giang bằng nhiều chính sách đầu tư bằng tiền, bằng phân bón,... để phát triển nguyên liệu cho Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Nhà máy đường Vị Thanh vẫn chưa thể hoạt động trở lại. Ban Tổng Giám đốc Công ty dự tính, khi vùng nguyên liệu phát triển, đủ đáp ứng cho Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động, Công ty sẽ đưa Nhà máy đường Vị Thanh vào hoạt động trở lại.

1.5 Cấu trúc Công ty

Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam	Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	98,03%	98,03%	98,03%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng	Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	38,78%	38,78%	38,78%
-------------------------------------	---	--------	--------	--------

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
- Nhà máy đường Phụng Hiệp	Số 10 đường 1/5, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang
- Xí nghiệp Đường Vị Thanh	Số 1284 đường Trần Hưng Đạo, khu vực 5, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 138 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 157 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	04 - 25

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.16 Quỹ tiền lương

Trong năm, Tập đoàn đã trích chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở kế hoạch lương đã được thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2021.

4.17 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% từ ngày 01/07/2021 là 17%, và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.19 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng

Công ty TNHH ADC
 Công ty TNHH Kim Hà Việt
 Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng
 Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc
 Công ty Cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ
 Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Quan hệ

Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Công ty liên kết
 Công ty có cùng thành viên chủ chốt
 Công ty có cùng thành viên chủ chốt
 Công ty có cùng thành viên chủ chốt
 Có Cổ đông lớn là thành viên quản lý chủ chốt tại Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh

Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	216.421.381	1.031.522.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn VND	16.182.510.803	9.774.929.671
Các khoản tương đương tiền	-	51.000.000.000
	16.398.932.184	61.806.452.614

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng	31.173.000.000	-	31.173.000.000	-
Chênh lệch hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	28.136.609.799	-	18.579.582.496	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Tổng Công ty Mía đường số 1 (*)	202.000.000	-	202.000.000	-
	59.511.609.799	-	49.954.582.496	-

(*) Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 01 tháng 07 năm 2021 của các khoản đầu tư này.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Phải thu là các bên liên quan		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	909.755.000	903.955.000
Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng	-	75.041.470
Công ty Cổ Phần Mía Đường Trà Vinh	59.557.300	59.557.300
Phải thu các khách hàng khác		
Cơ Sở Sản Xuất Nước Đá Phạm Văn Khiêm	746.555.549	746.555.549
Quách Tùng Giang	-	500.000.000
Các khách hàng khác	712.198.144	961.873.866
	2.428.065.993	3.246.983.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	200.200.000	200.200.000
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Kỹ Thuật Tự Động C.A.T.E.C	758.769.000	735.119.000
Khoản nợ đầu tư tại Cty TNHH MTV Nông Nghiệp Mekong	9.087.322.840	9.113.122.840
Công ty Cổ phần Tư Vấn, Thiết Bị và Công Nghệ Ánh Dương	478.500.000	478.500.000
Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp M&T	676.722.970	676.722.970
Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh Quý Long	1.049.813.054	1.049.813.054
Các nhà cung cấp khác	14.429.903.802	8.182.501.542
	26.681.231.666	20.435.979.406

5.5 Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ Phần Mía	3.866.112.370	-	3.819.316.407	-
Đường Sóc Trăng				
Công ty Cổ Phần Mía	4.899.375	-	52.487.500	-
Đường Trà Vinh				
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Tạm ứng	1.576.039.377	-	1.426.039.377	-
Ký cược ký quỹ	84.928.500	-	84.928.500	-
Đỗ Văn Tĩnh	4.301.000.000	-	4.301.000.000	-
Đoàn Phước Minh	8.200.258.911	(8.136.561.336)	8.200.258.911	(8.136.561.336)
Công ty TNHH Thương mại Thực Phẩm Hồng Yến	3.060.900.000	(3.060.900.000)	3.060.900.000	(3.060.900.000)
Cơ Sở - Vi Thị Kim Mai	4.084.170.000	(4.084.170.000)	4.084.170.000	(4.084.170.000)
Cơ Sở Huỳnh Hắc	3.700.165.000	(3.700.165.000)	3.700.165.000	(3.700.165.000)
Cơ Sở - Nguyễn Thanh Xuân	3.464.380.350	(3.464.380.350)	3.464.380.350	(3.464.380.350)
	2.012.850.000	(2.012.850.000)	2.012.850.000	(2.012.850.000)
Cơ Sở - Hồng Tú Loan				
Các đối tượng khác	9.115.627.753	(9.031.671.923)	9.283.692.072	(8.821.066.423)
	43.471.331.636	(33.490.698.609)	43.490.188.117	(33.280.093.109)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Ký cược ký quỹ	170.400.000	-	170.400.000	-
	170.400.000	-	170.400.000	-

5.6 Nợ xấu

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH MTV Nông Nghiep Mekong	9.113.122.840	7.868.271.840	9.113.122.840	7.868.271.840
Đoàn Phước Minh	8.200.258.911	63.697.575	8.200.258.911	63.697.575
Cơ sở Vi Thị Kim Hai	4.084.170.000	-	4.084.170.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Thực Phẩm Hồng Yến	3.060.900.000	-	3.060.900.000	-
	3.700.165.000	-	3.700.165.000	-
Cơ sở Huỳnh Hắc	3.464.380.350	-	3.464.380.350	-
Cơ sở Nguyễn Thanh Xuân	2.012.850.000	-	2.012.850.000	-
Cơ sở Hồng Tú Loan				
Các đối tượng khác	10.327.314.532	306.082.470	11.373.288.219	306.082.470
	43.963.161.633	8.238.051.885	45.009.135.320	8.238.051.885

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Trả trước cho người bán	Cộng
Vào ngày 01/07/2021	(33.774.862.133)	(1.950.247.615)	(35.725.109.748)
Trích dự phòng bổ sung trong năm	-	-	-
Hoàn nhập trong năm	-	-	-
Vào ngày 30/06/2022	(33.774.862.133)	(1.950.247.615)	(35.725.109.748)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Hao hụt trong kiểm kê (*)	4.417.433.662	-	4.417.433.662	-
	4.417.433.662	-	4.417.433.662	-

(*) Đây là giá trị của khoản hàng tồn kho thiếu, được phát hiện thông qua kiểm kê ngày 30/06/2020.

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/07/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.219.235.545	-	28.303.828.680	-
Công cụ, dụng cụ	111.782.334	-	112.743.842	-
Chi phí SXKD dở dang	4.865.092.309	-	4.826.621.953	-
Thành phẩm	77.325.824.952	-	7.725.380.959	-
Hàng hóa	13.107.321	-	13.107.321	-
	99.535.042.461	-	40.981.682.755	-

(*) Trong đó, hàng kém phẩm chất, mất phẩm chất, hư hỏng và hết hạn sử dụng là 6.401.622.806 VND.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	798.097.178	1.041.499.070
	798.097.178	1.041.499.070

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.10 Tính hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/07/2021	199.102.002.670	674.032.029.973	20.913.857.463	3.705.385.318	8.633.985.616	906.387.261.040
Vào ngày 30/06/2022 (*)	199.102.002.670	674.032.029.973	20.913.857.463	3.705.385.318	8.633.985.616	906.387.261.040
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/07/2021	177.429.241.364	606.753.964.248	17.716.945.102	3.302.386.277	8.633.985.616	813.836.522.607
Khấu hao trong năm	2.824.241.056	11.975.388.126	701.611.843	104.805.692	-	15.606.046.717
Phân loại lại	37.867.077	(37.867.077)	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2022 (*)	180.291.349.497	618.691.485.297	18.418.556.945	3.407.191.969	8.633.985.616	829.442.569.324
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/07/2021	21.672.761.306	67.278.065.725	3.196.912.361	402.999.041	-	92.550.738.433
Vào ngày 30/06/2022 (*)	18.810.653.173	55.340.544.676	2.495.300.518	298.193.349	-	76.944.691.716
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Vào ngày 01/07/2021	114.001.541.704	380.566.349.937	10.908.582.370	2.705.447.819	8.633.985.616	516.815.907.446
Vào ngày 30/06/2022	124.050.127.478	384.043.250.097	10.908.582.370	2.781.567.819	8.633.985.616	530.417.513.380
Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay						
Vào ngày 01/07/2021	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2022	-	-	-	-	-	-

(*) Trong đó đã bán giao tài sản cho Ông Lê Hải Phú với nguyên giá là 9.266.367.456 VND theo hợp đồng ngày 05/02/2020, nhưng do thủ tục pháp lý chưa xong nên Công ty tạm thời vẫn còn theo dõi trên danh mục tài sản.
Giá trị còn lại của Tài sản cố định tại nhà máy đường Vị Thanh tạm ngưng sử dụng: 6.487.194.565 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/07/2021	66.292.005.607	1.712.534.700	6.400.749.060	74.405.289.367
Vào ngày 30/06/2022 (*)	66.292.005.607	1.712.534.700	6.400.749.060	74.405.289.367
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/07/2021	36.188.172.388	1.634.399.500	6.400.749.060	44.223.320.948
Khấu hao trong năm	1.367.704.230	39.800.800	-	1.407.505.030
Vào ngày 30/06/2022 (*)	37.555.876.618	1.674.200.300	6.400.749.060	45.630.825.978
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/07/2021	30.103.833.219	78.135.200	-	30.181.968.419
Vào ngày 30/06/2022 (*)	28.736.128.989	38.334.400	-	28.774.463.389

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/07/2021	22.979.380.011	636.699.565	6.400.749.060	30.016.828.636
Vào ngày 30/06/2022	22.979.380.011	636.699.565	6.400.749.060	30.016.828.636

Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay

Vào ngày 01/07/2021	-	-	-	-
Vào ngày 30/06/2022	-	-	-	-

(*) Trong đó đã bàn giao tài sản cho Ông Lê Hải Phú với nguyên giá là 7.109.490.526 VND theo hợp đồng ngày 05/02/2020, nhưng do thủ tục pháp lý chưa xong nên Công ty tạm thời vẫn còn theo dõi trên danh mục tài sản.

Nguyên giá Quyền sử dụng đất chưa chuyển sang tên Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ là: 13.988.133.240 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/07/2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản					
Chi phí xây dựng cơ bản	1.103.009.091	-	-	-	1.103.009.091
Sửa chữa lớn tài sản cố định					
chi phí sửa chữa vụ 2020-2021	-	4.392.010.515	-	(3.934.868.952)	457.141.563
Hệ thống bơm siro lên Nấu Đường	5.401.803.116	-	-	(388.019.000)	5.013.784.116
	6.504.812.207	4.392.010.515	-	(4.322.887.952)	6.573.934.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	355.187.800	355.187.800
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	18.230.000	15.390.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ Phần Nồi Hơi Sài Gòn	120.151.350	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đức Lộc Cường	100.375.121	100.375.121
Đài Phát Thanh Và Truyền Hình Tỉnh Hậu Giang	120.000.000	120.000.000
Các nhà cung cấp khác	922.470.978	1.073.640.845
	1.636.415.249	1.664.593.766

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.286.060.145	277.202.400
<i>Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác</i>		
Ông Lê Hải Phú	17.268.912.269	17.268.912.269
Nguyễn Thiện Nhân	-	640.000.000
Các khách hàng khác	3.202.225.881	764.631.747
	21.757.198.295	18.950.746.416

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THO'
Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	01/07/2021		Số phát sinh trong năm		30/06/2022	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	16.463.299.462	2.553.735.312	(1.355.545.463)	-	17.661.489.311
Thuế thu nhập doanh	(2.164.291.674)	-	-	(1.183.828.288)	(3.348.119.962)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	55.692.224	131.833.474	(141.525.081)	-	46.000.617
Thuế tài nguyên	-	-	901.087.775	(901.087.775)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	146.212.967	223.086.804	(223.086.804)	-	146.212.967
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.029.934.984	5.533.734	(5.533.734)	-	14.029.934.984
	(2.164.291.674)	30.695.139.637	3.815.277.099	(3.810.607.145)	(3.348.119.962)	31.883.637.879

Thuế giá trị gia tăng:

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là không tính thuế, không chịu thuế, 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Chi phí phải trả cho các bên liên quan		
Chi phí đi lại, phụ cấp của HĐQT, BKS	114.852.447	59.200.000
Chi phí phải trả khác		
Tiền lương phải trả	2.293.061	481.273.955
Chi phí bốc xếp phải trả	-	8.155.000
Dự phòng hao hụt	527.364.493	527.364.493
Trích trước dịch vụ pháp lý	300.000.000	-
Chi phí phải trả khác	45.000.000	-
	989.510.001	1.075.993.448

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	10.020.000.000	10.020.000.000
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	754.070	1.909.910
Phải trả Ngân sách tỉnh Cà Mau	3.500.000.000	3.500.000.000
Phải trả ngân sách tỉnh Kiên Giang - Phải trả tiền kinh phí hoạt động	6.604.164.079	6.604.164.079
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.039.773.995	3.046.019.995
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.622.693.976	6.829.448.832
	30.787.386.120	30.001.542.816

(*) Khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn của Ông Lê Hải Phúc theo hợp đồng đặt cọc ngày 05/02/2020 phục vụ mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến ngày 19/08/2020, ông Lê Hải Phúc đã chuyển giao quyền thực hiện hợp đồng trên cho ông Lê Hải Phú theo biên bản làm việc giữa Công ty, ông Lê Hải Phúc và ông Lê Hải Phú.

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	300.000.000

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/07/2021 VND	Thu khác VND	Chi quỹ trong năm VND	30/06/2022 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.106.545.133	50.000.000	(480.800.000)	675.745.133

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu Quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Vào ngày 01/07/2020	130.805.470.000	135.711.274.992	(10.200.500.000)	(3.276.008.495)	(992.709.360)	252.047.527.137
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	155.770.501	(37.789.467)	117.981.034
Chia cổ tức	-	-	-	(6.356.663.500)	-	(6.356.663.500)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(901.887.242)	-	(901.887.242)
Điều chỉnh hồi tố các năm trước	-	-	-	(7.311.007.892)	(265.014.374)	(7.576.022.266)
Vào ngày 30/06/2021	130.805.470.000	135.711.274.992	(10.200.500.000)	(17.689.796.628)	(1.295.513.201)	237.330.935.163
Vào ngày 01/07/2021	130.805.470.000	135.711.274.992	(10.200.500.000)	(17.689.796.628)	(1.295.513.201)	237.330.935.163
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	5.788.073.930	(36.535.088)	5.751.538.842
Chi mua lại Cổ phiếu ưu đãi	-	-	(8.600.000)	-	-	(8.600.000)
Vào ngày 30/06/2022	130.805.470.000	135.711.274.992	(10.209.100.000)	(11.901.722.698)	(1.332.048.289)	243.073.874.005

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2022		01/07/2021	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	25.244.550.000	19,30%	39.544.550.000	30,23%
Công ty TNHH ADC	5.173.000.000	3,95%	32.473.000.000	24,83%
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	10.151.120.000	7,76%	10.151.120.000	7,76%
Trần Thị Thái	15.335.360.000	11,72%	5.304.420.000	4,06%
Trần Lệ Thanh	19.500.000.000	14,91%	-	0,00%
Nguyễn Thị Hồng Phước	27.300.000.000	20,87%	-	0,00%
Cổ phiếu quỹ	10.209.100.000	7,80%	10.200.500.000	7,80%
Cổ đông khác	17.892.340.000	13,68%	33.131.880.000	25,32%
	130.805.470.000	100,00%	130.805.470.000	100,00%

5.19.3 Cổ phiếu

	30/06/2022	01/07/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.040.467	13.040.467
- Cổ phiếu phổ thông	40.080	40.080
- Cổ phiếu ưu đãi	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu được mua lại	360.900	360.900
- Cổ phiếu phổ thông	10.390	9.530
- Cổ phiếu ưu đãi	371.290	370.430
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.679.567	12.679.567
- Cổ phiếu phổ thông	29.690	30.550
- Cổ phiếu ưu đãi	12.709.257	12.710.117

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	85.783.085.515	172.732.101.242
Doanh thu cung cấp dịch vụ	320.037.880	319.845.458
	86.103.123.395	173.051.946.700

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng	58.677.700	68.219.517
Công ty TNHH Kim Hà Việt	11.901.849.763	6.725.719.999
Công ty TNHH ADC	554.894.572	474.003.039
	12.515.422.035	7.267.942.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	-	970.656.762
Giảm giá hàng bán	-	4.761.905
	-	975.418.667

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	78.722.081.776	166.352.094.961
	78.722.081.776	166.352.094.961

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	811.971.463	1.323.081.650
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	4.167.123
	811.971.463	1.327.248.773

6.5 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi ứng trước thanh toán	722.947.880	370.112.805
	722.947.880	370.112.805

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	183.838.390	323.117.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	5.656.723
Chi phí bán hàng khác	3.980.000	5.660.920
	187.818.390	334.435.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.334.806.242	2.621.378.900
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	50.616.165	74.085.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.842.429.198	2.131.264.063
Chi phí dự phòng	-	198.038.400
Chi phí thuế, lệ phí	23.934.947	331.453.721
Chi phí quản lý khác	3.844.354.220	4.714.998.167
	8.096.140.772	10.071.218.693

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	55.966.348
Trong đó:		
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	55.966.348
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý của tài sản cố định	-	-
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	6.979.143.752
Lãi chậm chi trả cổ tức	186.120.000	-
Thu nhập khác	7.933.888	1.182.157.613
	194.053.888	8.217.267.713

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt	206.391	47.769.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ Sản xuất kinh doanh	3.185.441.998	3.335.937.519
Chi phí khác	-	112.146.846
	3.185.648.389	3.495.853.829

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.227.945.197	90.953.452.500
Chi phí nhân công	17.190.388.696	13.111.520.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.828.109.749	14.181.042.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.009.707	434.179.016
Chi phí khác	6.352.943.996	6.616.593.076
	138.628.397.345	125.296.787.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.751.538.842	117.981.034
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.751.538.842	117.981.034
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	12.679.567	12.679.567
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	454	9

7. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2022			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	32.723.801.369	300.000.000	33.023.801.369
Chi phí phải trả	872.364.493	-	872.364.493
	33.596.165.862	300.000.000	33.896.165.862
Tại ngày 01/07/2021			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	31.966.136.582	300.000.000	32.266.136.582
Chi phí phải trả	1.075.993.448	-	1.075.993.448
	33.042.130.030	300.000.000	33.342.130.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tài sản đảm bảo

Công ty không có thế chấp bằng tài sản đảm bảo.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2022 và 01/07/2021.

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	1.174.590.169	2.208.429.415	1.174.590.169	2.208.429.415
Phải thu khách hàng là bên liên quan	969.312.300	1.038.553.770	969.312.300	1.038.553.770
Các khoản phải thu khác	10.151.033.027	10.380.495.008	10.151.033.027	10.380.495.008
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.398.932.184	61.806.452.614	16.398.932.184	61.806.452.614
	28.693.867.680	75.433.930.807	28.693.867.680	75.433.930.807
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả các bên liên quan	373.417.800	370.577.800	373.417.800	370.577.800
Phải trả người bán	1.262.997.449	1.294.015.966	1.262.997.449	1.294.015.966
Phải trả khác	31.087.386.120	30.301.542.816	31.087.386.120	30.301.542.816
Chi phí phải trả	989.510.001	1.075.993.448	989.510.001	1.075.993.448
	33.713.311.370	33.042.130.030	33.713.311.370	33.042.130.030

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày cuối năm và ngày đầu năm. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp		
Ông Trần Ngọc Hiếu	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Vĩnh Chung	279.502.884	346.646.633
Ông Phạm Quang Vinh	112.592.578	114.557.954
Thù lao		
Ông Trần Ngọc Hiếu	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Vĩnh Chung	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Quang Vinh	96.000.000	96.000.000
Bà Phạm Thị Mai Loan	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Trường Chinh	60.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Hồng Liễu	60.000.000	60.000.000
	1.160.095.462	1.199.204.587

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty là các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng		
Bán hàng	58.677.700	68.219.517
Lãi chậm trả cổ tức	186.120.000	186.120.000
Khác	-	84.366.777
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán thành phẩm	11.901.849.763	6.725.719.999
Mua hàng	-	1.662.775.231
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		
Lãi chậm trả tiền hàng được nhận	-	4.167.123
Công ty TNHH ADC		
Bán hàng	554.894.572	474.003.039
Công ty Cổ phần Mía Đường Trà Vinh		
Giao dịch khác	-	52.487.500
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ		
Mua hàng vật tư, tài sản	17.753.805	11.790.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Công nợ phải thu, phải trả với công ty liên doanh, liên kết và các bên liên quan khác như sau:

	30/06/2022 VND	01/07/2021 VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng		
Phải thu khách hàng	-	75.041.470
Phải thu khác	3.866.112.370	3.819.316.407
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải thu khách hàng	909.755.000	903.955.000
Trả trước cho người bán	200.200.000	200.200.000
Phải trả người bán	355.187.800	355.187.800
Người mua trả tiền trước	1.286.060.145	277.202.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		
Phải thu khác	-	36.008.219
Công ty Cổ phần Mía Đường Trà Vinh		
Phải thu khách hàng	59.557.300	59.557.300
Phải thu khác	4.899.375	52.487.500
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ		
Phải trả người bán	18.230.000	15.390.000

8.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh sản xuất thực phẩm và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

8.3 Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu đã trình bày tại ngày 30/06/2021 VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu đã trình bày lại tại ngày 01/07/2021 VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.249.178.185	(2.195.000)	3.246.983.185	(ii)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	20.491.181.406	(55.202.000)	20.435.979.406	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	136	47.628.177.794	(4.137.989.677)	43.490.188.117	(ii)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(36.771.083.435)	1.045.973.687	(35.725.109.748)	(ii)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.473.620.410	(56.186.748)	4.417.433.662	(ii)
Tài sản cố định hữu hình - hao mòn lũy kế	223	(812.906.935.047)	(929.587.560)	(813.836.522.607)	(ii)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	53.624.377.906	(3.871.795.410)	49.752.582.496	(i)
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.075.332.408	(33.833.338)	1.041.499.070	(ii)
Phải trả ngắn hạn khác	319	30.002.107.296	(564.480)	30.001.542.816	(ii)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(10.534.559.237)	(7.311.007.892)	(17.845.567.129)	(i)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	610.868.479	(455.097.978)	155.770.501	(ii)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	(1.021.367.505)	(274.145.696)	(1.295.513.201)	(ii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.071.783.173	(564.480)	10.071.218.693	(ii)
Chi phí khác	32	3.031.060.049	464.793.780	3.495.853.829	(ii)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	17.052.186.074	464.793.780	17.516.979.854	(ii)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.362.358.873)	(574.564.132)	(8.936.923.005)	(ii)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.671.980.812)	(564.480)	(13.672.545.292)	(ii)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.750.722.774)	574.564.132	(1.176.158.642)	(ii)

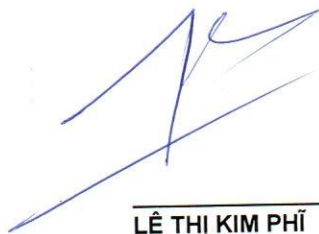
- (i) Điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ năm trước do có sai sót giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng theo phương pháp Vốn Chủ sở hữu.
- (ii) Điều chỉnh hồi tố do sai sót các năm trước.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu



LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng



TRẦN VINH CHUNG
Tổng Giám đốc
Hậu Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2022

